

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Hoàng

2. Ông Cao Hữu Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Huân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2018, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc Oanh V**, sinh năm: 1989

Địa chỉ cư trú: Tổ 3, thôn Bến Khế, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Phan Thanh T**, sinh năm: 1986

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 1B, phường Cam Phúc Bắc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Oanh V trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau được 01 tháng, được sự đồng ý của hai gia đình, có tổ chức cưới hỏi và tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 9/2010 và đi đến hôn nhân. Chị và anh T có đăng ký kết hôn và được UBND xã Khánh Bình, huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 28/2011, cấp ngày 13/9/2011.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ban đầu là chị nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong lúc chị mang thai và

nuôi con nhỏ, khi chị phát hiện chị đã khuyên can nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xung đột dẫn đến anh T bạo hành đánh đập chị, chị về nhà mẹ ruột sinh sống, anh T bỏ bê không chăm sóc vợ con, tất cả mọi chi phí sinh hoạt nuôi dưỡng con cái chị phải lo toan mọi việc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Chị không chấp nhận người chồng sống vô trách nhiệm, không quan tâm lo lắng đến vợ và con, quan hệ vợ chồng không thể nào hàn gắn được, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, chị không còn chung sống với anh T đã lâu. Chị V xác định tình cảm hiện nay không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là: Phan Nguyễn Tùng K, sinh ngày: 01/6/2011; Phan Đông Nhã N, sinh ngày: 11/01/2013.

Chị V yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề buôn bán quán nhậu, giải khát, thu nhập bình quân mỗi tháng 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2018, bị đơn anh Phan Thanh T trình bày: Anh T và chị V tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau vào tháng 9/2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Khánh Bình, huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 28/2011, cấp ngày 13/9/2011. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh không hiểu nguyên nhân vì sao chị giận anh mà bỏ con đi trong khi anh đi làm biển kiếm tiền nuôi vợ con. Anh xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, cô V yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Phan Nguyễn Tùng K, sinh ngày: 01/6/2011; Phan Đông Nhã N, sinh ngày: 11/01/2013.

Anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Nguyễn Tùng K; Chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Đông Nhã N và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay anh làm nghề kinh doanh hải sản, ăn uống, thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V; về con chung: Chị V yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phan Nguyễn Tùng K, sinh ngày: 01/6/2011; Phan Đông Nhã N, sinh ngày: 11/01/2013 là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: Không có. Chị V phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Trích lục kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn, giữa chị V và anh T số: 28/2011, cấp ngày 13/9/2011 của UBND xã Khánh Bình.

Giấy khai sinh mang tên Phan Nguyễn Tùng K; Phan Đông Nhã N.

Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc Oanh V.

Sổ hộ khẩu mang tên La Thị P.

Đơn xin xác nhận có xác nhận của trường mầm non Trầm Hương.

Biên bản lấy lời khai của cháu Phan Nguyễn Tùng K.

Biên bản xác minh ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Phan Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vì anh phải đi làm xa, không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T theo Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[1.2] Chị Nguyễn Ngọc Oanh V yêu cầu ly hôn anh Phan Thanh T. Yêu cầu của chị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị V và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Khánh Bình, huyện K, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 28/2011, cấp ngày 13/9/2011. Do đó, hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Chị V yêu cầu được ly hôn anh T vì chị không chấp nhận người chồng ngoại tình, sống vô trách nhiệm, không quan tâm lo lắng đến vợ và con, không tin tưởng nhau dẫn đến có lời lẽ xúc phạm, đánh đập bạo hành chị V. Anh T tuy không thừa nhận trách nhiệm của mình gây ra đối với chị V nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nữa, vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay anh T không có các biện pháp để cải thiện, hàn gắn quan mối hệ vợ chồng nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị V. Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2018, chính quyền địa phương cho biết: “Sau khi kết hôn, chị V và anh T không chung sống với nhau tại địa phương, hiện nay anh T chỉ sống một mình. Về quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T chính quyền địa phương không biết rõ mâu thuẫn.”. Hiện nay chị V cùng hai con sống chung với cha mẹ ruột tại tổ 3, thôn Bến Khế, xã Khánh Bình, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị V yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là: Phan Nguyễn Tùng K, sinh ngày: 01/6/2011 và Phan Đông Nhã N, sinh ngày: 11/01/2013. Chị V yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Nguyễn Tùng K, sinh ngày: 01/6/2011 và giao cháu Phan Đông Nhã N, sinh ngày: 11/01/2013 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, cháu K có nguyện vọng được chung sống với chị V; cháu N là nữ nên rất cần sự chăm sóc của mẹ để cháu có điều kiện phát triển về mọi mặt. Hơn nữa chị V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu từ năm 2013 đến nay; Cả hai cháu đều ổn định về về điều kiện ăn học (có xác nhận của trường mầm non Trầm Hương); Anh T nghề nghiệp lao động làm biển, kinh doanh bên ngoài nên khó có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, yêu cầu của chị V là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị V nên ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.6] *Về án phí*: Chị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Oanh V.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc Oanh V được ly hôn anh Phan Thanh T.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Ngọc Oanh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là các cháu: Phan Nguyễn Tùng K, sinh ngày: 01/6/2011; Phan Đông Nhã N, sinh ngày: 11/01/2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Ngọc Oanh V về việc không yêu cầu anh Phan Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Ngọc Oanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Ngọc Oanh V nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0012295 ngày 02/5/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Nguyễn Ngọc Oanh V đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Ngọc Oanh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Phan Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Khánh Bình
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy